



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 16

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030703372 ngày 17 tháng 3 năm 2008 của Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh lần thứ nhất vào ngày 29 tháng 4 năm 2008). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2011: 12.063.930.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Thị trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 091.3401975

### Văn phòng đại diện

- Địa chỉ: 35 Phan Đình Phùng, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511. 32816816
- Fax: (84) 0511. 3220320

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất kinh doanh điện năng;
- Thí nghiệm vật tư, thiết bị điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, các công trình đường dây, trạm biến thế, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Khai thác, mua bán vật liệu xây dựng;
- Đào tạo nghề;
- Lập dự án đầu tư, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV, thiết kế các công trình lưới điện đến 35 KV, điện chiếu sáng đô thị, giám sát công trình đường dây và trạm biến áp.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2011 là 4 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 2 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:



## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị

- |                        |               |                          |
|------------------------|---------------|--------------------------|
| • Ông Trương Chi Thông | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 06/03/2008 |
| • Ông Trần Hưng        | Thành viên    | Bổ nhiệm ngày 06/03/2008 |
| • Ông Đỗ Văn Cần       | Thành viên    | Bổ nhiệm ngày 06/03/2008 |
| • Ông Đào Ngọc Nam     | Thành viên    | Bổ nhiệm ngày 06/03/2008 |

### Ban kiểm soát

- |                                |            |                          |
|--------------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Viết Pa Sa        | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09/11/2009 |
| • Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/03/2008 |
| • Bà Đinh Thị Tuyết Thu        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/03/2008 |

### Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                      |                |                          |
|----------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Trần Hưng      | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 06/03/2008 |
| • Ông Nguyễn Hữu Lập | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 16/04/2008 |

### Kiểm toán độc lập

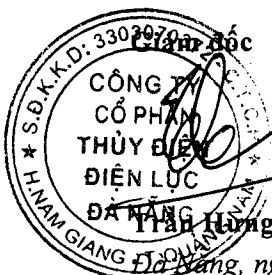
Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

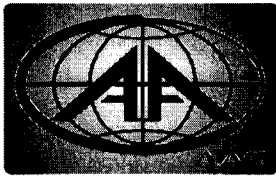
Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính  
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số : 333/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị, Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10/03/2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 16. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

### Trách nhiệm của Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

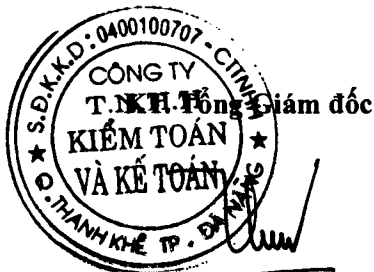
Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Nguyễn Thị Quỳnh Hương  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 1321/KTV

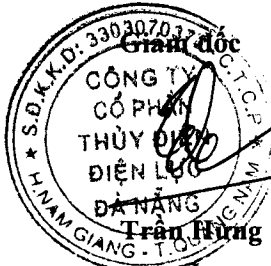
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.725.040.429</b>	<b>11.839.345.946</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.772.650.707</b>	<b>10.822.910.142</b>
1. Tiền	111	5	222.650.707	122.910.142
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	12.550.000.000	10.700.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>901.141.116</b>	<b>893.528.864</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	721.008.018	676.000.000
2. Trả trước cho người bán	132	8	96.680.000	76.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	9	83.453.098	141.528.864
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.000.000</b>	<b>12.171.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	16.000.000	12.171.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.248.606</b>	<b>110.735.940</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.248.606	110.735.940
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.465.089.031</b>	<b>1.328.745.751</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.465.089.031</b>	<b>1.328.745.751</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	145.442.856	9.099.576
- Nguyên giá	222		197.126.667	25.126.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.683.811)	(16.027.091)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.319.646.175	1.319.646.175
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.190.129.460</b>	<b>13.168.091.697</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>978.931.310</b>	<b>414.349.224</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>978.931.310</b>	<b>414.349.224</b>
1. Phải trả người bán	312	13	247.640.000	247.640.000
2. Người mua trả tiền trước	313		41.850.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	647.819.881	164.876.708
4. Phải trả người lao động	315		28.804.678	-
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		12.816.751	1.832.516
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.211.198.150</b>	<b>12.753.742.473</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>14.211.198.150</b>	<b>12.753.742.473</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	12.063.930.000	12.063.930.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	2.147.268.150	689.812.473
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>15.190.129.460</b>	<b>13.168.091.697</b>



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

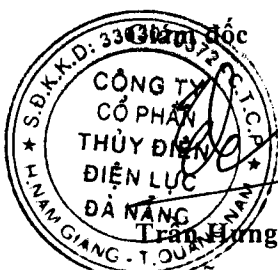
*Handwritten signature*

Nguyễn Hữu Lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	16	1.326.104.991	230.319.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.326.104.991	230.319.991
4. Giá vốn hàng bán	11	17	739.723.265	179.675.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>586.381.726</b>	<b>50.644.991</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.815.970.455	1.207.735.197
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		451.730.701	462.033.555
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>1.950.621.480</b>	<b>796.346.633</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		104	-
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(104)</b>	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19	<b>1.950.621.376</b>	<b>796.346.633</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	493.165.699	224.586.658
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	19	<b>1.457.455.677</b>	<b>571.759.975</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.208	537



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

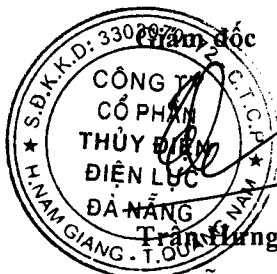
Nguyễn Hữu Lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.435.557.472	840.951.922
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(218.593.225)	(135.490.194)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(842.373.056)	(525.033.568)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(11.764.513)	(159.429.244)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	80.000.000	60.000.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(178.474.321)	(121.803.032)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>264.352.357</b>	<b>(40.804.116)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(189.200.000)	(1.263.282.539)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.874.588.208	1.006.206.333
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.685.388.208</b>	<b>(257.076.206)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	4.658.060.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>4.658.060.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.949.740.565</b>	<b>4.360.179.678</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.822.910.142	6.462.730.464
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>12.772.650.707</b>	<b>10.822.910.142</b>



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030703372 ngày 17 tháng 3 năm 2008 của Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh lần thứ nhất vào ngày 29 tháng 4 năm 2008). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất kinh doanh điện năng;
- Thí nghiệm vật tư, thiết bị điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, các công trình đường dây, trạm biến thế, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Khai thác, mua bán vật liệu xây dựng;
- Đào tạo nghề;
- Lập dự án đầu tư, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV, thiết kế các công trình lưới điện đến 35 KV, điện chiếu sáng đô thị, giám sát công trình đường dây và trạm biến áp.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loai tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

### 4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.6 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.8 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty áp dụng theo mức thuế suất hiện hành là 25%.  
Theo quy định tại điểm a, khoản 1, mục IV, phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính cũng như Công văn số 1357/BTC-CST ngày 12/11/2008 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế TNDN và Công văn số 6379/CT-TTHT ngày 02/12/2008 của Cục thuế Tỉnh Quảng Nam về việc trả lời chính sách thuế thì cơ sở sản xuất mới thành lập được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho hai năm tiếp theo. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh ngành xây dựng nên được miễn thuế TNDN trong 02 năm (2008, 2009) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo (2010, 2011).
- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm, hoạt động xây lắp, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 5. Tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	13.382.600	-
Tiền gửi ngân hàng	209.268.107	122.910.142
- Ngân hàng TMCP An Bình CN Đà Nẵng	209.268.107	122.910.142
<b>Cộng</b>	<b>222.650.707</b>	<b>122.910.142</b>

### 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	4.850.000.000	2.462.791.111
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	7.700.000.000	8.237.208.889
<b>Cộng</b>	<b>12.550.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>

### 7. Phải thu khách hàng

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhà thầu GXED và G-ERNEGY	656.000.000	656.000.000
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Tài Lộc		20.000.000
Công ty Điện thoại Đà Nẵng	15.008.018	-
Công ty TNHH XD & Xây lắp điện Thế Minh	50.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>721.008.018</b>	<b>676.000.000</b>

### 8. Trả trước cho người bán

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty CP Quốc tế Long Thành	20.680.000	
Trung tâm Kỹ thuật- Tài nguyên môi trường	76.000.000	76.000.000
<b>Cộng</b>	<b>96.680.000</b>	<b>76.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**9. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	82.911.111	141.528.864
Thuế TNCN phải thu của CBNV	541.987	-
<b>Cộng</b>	<b>83.453.098</b>	<b>141.528.864</b>

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vật tư, thiết bị điện	-	12.171.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.000.000</b>	<b>12.171.000</b>

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	25.126.667	-	25.126.667
Phân loại lại	(25.126.667)	25.126.667	-
Mua sắm trong năm	172.000.000		172.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>172.000.000</b>	<b>25.126.667</b>	<b>197.126.667</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	16.027.091	-	16.027.091
Phân loại lại	(16.027.091)	16.027.091	-
Khấu hao trong năm	28.666.667	6.990.053	35.656.720
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.666.667</b>	<b>23.017.144</b>	<b>51.683.811</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	9.099.576	-	9.099.576
<b>Số cuối năm</b>	<b>143.333.333</b>	<b>2.109.523</b>	<b>145.442.856</b>

Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011: 12.469.524 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư xây dựng dự án thủy điện Sông Bung 3A	1.319.646.175	1.319.646.175
<b>Cộng</b>	<b>1.319.646.175</b>	<b>1.319.646.175</b>

UBND Tỉnh Quảng Nam đã có công văn số 502/UBND-KTN cho phép gia hạn thời gian khởi công các dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn trong khi chờ văn bản chính thức của Bộ Công thương phê duyệt phương án đầu tư đường dây đấu nối và trạm biến áp 110KV để đấu nối, dùng chung truyền tải của các dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

13. Các khoản phải trả người bán	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Hưng Thịnh Phát	247.640.000	247.640.000
<b>Cộng</b>	<b>247.640.000</b>	<b>247.640.000</b>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập cá nhân	6.641.987	5.100.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	641.177.894	159.776.708
<b>Cộng</b>	<b>647.819.881</b>	<b>164.876.708</b>

15. Vốn chủ sở hữu			
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2010	7.405.870.000	118.052.498	7.523.922.498
Tăng trong năm	4.658.060.000	571.759.975	5.229.819.975
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>12.063.930.000</b>	<b>689.812.473</b>	<b>12.753.742.473</b>
Số dư tại 01/01/2011	12.063.930.000	689.812.473	12.753.742.473
Tăng trong năm	-	1.457.455.677	1.457.455.677
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>12.063.930.000</b>	<b>2.147.268.150</b>	<b>14.211.198.150</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cổ đông là tổ chức	8.100.000.000	8.100.000.000
+ Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	5.600.000.000	5.600.000.000
+ Công ty CP Thủy điện A Vương	2.200.000.000	2.200.000.000
+ Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ	300.000.000	300.000.000
Các cổ đông là cá nhân	3.963.930.000	3.963.930.000
<b>Cộng</b>	<b>12.063.930.000</b>	<b>12.063.930.000</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/04/2008, Công ty đăng ký vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2011, vốn thực góp theo trên tại Công ty là 12.063.930.000 đồng.

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	689.812.473	118.052.498
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.457.455.677	571.759.975
Phân phối lợi nhuận	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>2.147.268.150</b>	<b>689.812.473</b>

**16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp điện	318.181.818	-
Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế, thí nghiệm điện, đào tạo nghề	1.007.923.173	230.319.991
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.326.104.991</b>	<b>230.319.991</b>

**17. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn sản phẩm xây dựng	208.659.000	-
Giá vốn sản phẩm thí nghiệm điện, khảo sát thiết kế, đào tạo nghề	531.064.265	179.675.000
<b>Cộng</b>	<b>739.723.265</b>	<b>179.675.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi đã thu	1.733.059.344	1.066.206.333
Lãi dự thu tiền gửi có kì hạn	82.911.111	141.528.864
<b>Cộng</b>	<b>1.815.970.455</b>	<b>1.207.735.197</b>

### 19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.950.621.376	796.346.633
- Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động được ưu đãi	25.609.439	-
- LN kế toán trước thuế của hoạt động không được ưu đãi	1.925.011.937	796.346.633
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	102.000.000	102.000.000
- Điều chỉnh tăng (Thu lao HĐQT, BKS)	102.000.000	102.000.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.052.621.376	898.346.633
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi	25.609.439	-
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động không được ưu đãi	2.027.011.937	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định hiện hành	513.155.344	224.586.658
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động được ưu đãi	6.402.360	-
- Thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi	506.752.984	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	19.989.645	-
- Thuế TNDN được miễn, giảm theo ưu đãi đầu tư	3.201.180	-
- Thuế TNDN được giảm theo TT 154/2011/TT-BTC	16.788.465	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	493.165.699	224.586.658
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>1.457.455.677</b>	<b>571.759.975</b>

### 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.457.455.677	571.759.975
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.457.455.677	571.759.975
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.206.393	1.065.541
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.208</b>	<b>537</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

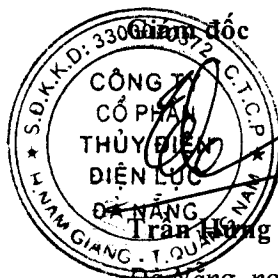
	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.113.546	1.675.000
Chi phí nhân công	909.262.407	524.244.028
- Tiền lương của CBNV	353.514.630	233.623.157
- Tiền ăn giữa ca của CBNV	26.780.000	19.725.000
- Các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT)	17.750.777	17.151.067
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	102.000.000	102.000.000
- Tiền lương nhân công thuê ngoài	409.217.000	151.744.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.656.720	8.375.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.601.318	86.249.608
Chi phí khác bằng tiền	32.819.975	21.164.363
<b>Cộng</b>	<b>1.207.453.966</b>	<b>641.708.555</b>

### 22. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 23. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Lập